

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-34



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 24/08/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/05/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên	
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/05/2015
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/05/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/12/2015
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Số: 593/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		185.744.740.112	144.115.008.682
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	101.195.986.500	76.280.140.017
111	1. Tiền		42.630.286.500	27.338.640.017
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.565.700.000	48.941.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.613.381.663	67.134.302.596
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	72.314.094.514	58.538.362.006
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		896.108.720	299.032.987
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.403.178.429	8.296.907.603
140	IV. Hàng tồn kho	8	420.081.891	111.293.988
141	1. Hàng tồn kho		420.081.891	111.293.988
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		515.290.058	589.272.081
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	127.916.942	121.178.620
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		387.373.116	468.093.461
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172.630.438.585	161.608.051.579
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		29.227.873.000	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	29.050.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	177.873.000	-
220	II. Tài sản cố định		63.954.031.709	138.821.959.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	60.228.755.850	129.383.948.454
222	- Nguyên giá		93.144.305.934	167.788.590.541
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.915.550.084)	(38.404.642.087)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.725.275.859	9.438.010.835
228	- Nguyên giá		4.946.669.453	10.311.869.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.221.393.594)	(873.858.618)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		554.680.000	3.460.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	554.680.000	3.460.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	78.893.853.876	18.199.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		64.628.344.000	8.857.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.765.509.876	7.736.380.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.605.562.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	1.126.676.414
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	-	1.126.676.414
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		358.375.178.697	305.723.060.261

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.506.678.359	66.181.928.467
310	I. Nợ ngắn hạn		80.506.678.359	66.181.928.467
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	35.028.445.498	23.390.888.504
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.538.326.498	8.540.287.099
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	787.339.758	959.597.175
314	4. Phải trả người lao động		5.925.378.000	6.200.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		107.801.818	107.801.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	30.327.211.191	26.552.693.656
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		792.175.596	430.660.215
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.868.500.338	239.541.131.794
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	277.868.500.338	239.541.131.794
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		108.330.890.000	103.177.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108.330.890.000	103.177.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(400.120.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		24.989.189.178	12.899.497.006
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		55.786.103.434	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.346.317.072	81.648.474.134
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.340.072.409	12.340.072.409
421b	LNST chưa phân phối năm nay		35.006.244.663	69.308.401.725
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		358.375.178.697	305.723.060.261

Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyền



Trần Nguyên Hùng

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	452.559.409.215	474.922.521.419
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		452.559.409.215	474.922.521.419
11	4. Giá vốn hàng bán	19	359.283.008.130	390.198.599.544
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.276.401.085	84.723.921.875
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	11.033.965.713	107.060.572.458
22	7. Chi phí tài chính	21	138.878.488	997.756.065
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	922.818.663
25	8. Chi phí bán hàng	22	50.245.497.695	55.098.135.446
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.409.756.025	10.473.865.604
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.516.234.590	125.214.737.218
31	11. Thu nhập khác		758.503.475	639.600.000
32	12. Chi phí khác		-	438.842.092
40	13. Lợi nhuận khác		758.503.475	200.757.908
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.274.738.065	125.415.495.126
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	7.268.493.402	4.518.573.401
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.006.244.663	120.896.921.725

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyên
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.274.738.065	125.415.495.126
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.818.393.894	9.205.924.923
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.374.269.047)	(515.307.422)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.628.227.123)	(106.706.422.944)
06	- Chi phí lãi vay		-	922.818.663
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.090.635.789	28.322.508.346
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.576.231.722)	(9.554.522.188)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(308.787.903)	99.738.567
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.064.799.685	9.403.559.408
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.119.938.092	985.557.762
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(1.822.818.663)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.179.764.176)	(5.133.204.576)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	458.039.174
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.071.090.738)	(656.112.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.139.499.027	22.102.745.830
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.043.845.810)	(20.345.407.735)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		88.752.490.252	660.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.950.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(60.800.000.000)	(100.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.874.436.367	106.545.265.036
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.266.919.191)	86.759.857.301

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.153.850.000	4.352.240.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(400.120.000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	2.434.160.285
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.383.586.757)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(84.732.400)	(64.538.362.150)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		4.668.997.600	(61.135.548.622)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.541.577.436	47.727.054.509
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		76.280.140.017	28.461.535.508
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.374.269.047	91.550.000
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	101.195.986.500	76.280.140.017







Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 24/08/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 108.330.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 108.330.890.000 đồng; tương đương 10.833.089 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải. Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa. Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa. Đại lý tàu biển. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển. Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2015, Công ty đã góp vốn đầy đủ vào Công ty con: Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi, đồng thời Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình liên quan đến tòa nhà Safi Tower tại số 209 đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty con quản lý và khai thác.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY
KIỂM T
ASO
T.M - T.P

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng vụ việc chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 9.488,4 m2 đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm và trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.026.835.881	1.031.634.969
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.603.450.619	26.307.005.048
Các khoản tương đương tiền	58.565.700.000	48.941.500.000
	101.195.986.500	76.280.140.017

Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 2.490.000 USD được gửi tại các ngân hàng với lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	64.628.344.000	-	8.857.473.876	-
- Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	-	-	5.029.129.876	-
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi	1.000.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	-	3.628.344.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	60.000.000.000	-	100.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	12.765.509.876	-	7.736.380.000	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	4.350.780.000	-	4.350.780.000	-
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	-	3.385.600.000	-
- Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	5.029.129.876	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.500.000.000	-	1.605.562.000	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-	5.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	100.562.000	-
	78.893.853.876	-	18.199.415.876	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi (1)	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam (2)	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi (3)	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 đăng ký lần đầu ngày 31/8/2013 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi là 1 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI sở hữu 100%. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2015 là 1 tỷ đồng.
- (2) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2014 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 6 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI cam kết góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2015 là 60 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	Đại lý vận tải

(*) Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 09 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam là 15.401.445.000 đồng (tương đương 874.300 USD). Trong đó, vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 306.000 USD chiếm 35% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd là 568.300 USD chiếm 65% vốn điều lệ. Số vốn điều lệ bổ sung là 274.300 USD (tăng từ 600.000 USD lên 874.300 USD) được hoàn tất việc góp vốn trong vòng 36 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 04. Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam, các bên tham gia góp vốn thống nhất tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của các bên vẫn giữ nguyên như Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu cho đến khi các bên tham gia góp vốn bổ sung thực hiện việc góp vốn thực tế. Tại ngày 01/07/2015, số vốn bổ sung đã được Công ty Freightworld Pte.Ltd góp đầy đủ. Vì vậy, đến thời điểm 31/12/2015 khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam thay đổi tỷ lệ lợi ích và biểu quyết từ 51% xuống 35% và được Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Phải thu các hãng Forwarding	18.062.253.121	3.346.792.514
Phải thu các hãng Tàu	1.684.067.436	3.804.654.256
Phải thu khách hàng Logistic	21.358.703.707	25.448.309.321
Phải thu khách hàng kho và đội xe	5.476.121.645	4.479.780.067
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	25.732.948.605	21.458.825.848
	72.314.094.514	58.538.362.006
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	72.314.094.514	58.538.362.006
	72.314.094.514	58.538.362.006

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	29.050.000.000	-
	29.050.000.000	-

Khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi vay không tính lãi để thanh toán các khoản nợ từ việc mua tòa nhà 209- Nguyễn Văn Thù - P.Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	74.513.272	-	-	-
Tạm ứng	3.998.019.583	-	5.003.362.098	-
Ký cược, ký quỹ	1.925.754.312	-	532.330.918	-
Phải thu cước xuất phòng Air	-	-	108.110.927	-
Phải thu cước xuất phòng Sea	-	-	101.034.391	-
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	2.716.984.260	-	2.079.938.289	-
Phải thu khác	1.687.907.002	-	472.130.980	-
	10.403.178.429	-	8.296.907.603	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	177.873.000	-	-	-
	177.873.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	420.081.891	-	111.293.988	-
	420.081.891	-	111.293.988	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	554.680.000	3.460.000.000
- Phần mềm kinh doanh	84.000.000	-
- Phần mềm kế toán	470.680.000	-
- Xe ô tô đầu kéo	-	3.460.000.000
	554.680.000	3.460.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	122.677.990.947	1.926.648.590	42.294.867.290	889.083.714	167.788.590.541					
- Mua trong năm	-	-	18.819.174.810	129.991.000	18.949.165.810					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000					
- Thanh lý, nhượng bán	(89.372.386.092)	(1.670.188.056)	(5.550.876.269)	-	(96.593.450.417)					
Số dư cuối năm	36.305.604.855	256.460.534	55.563.165.831	1.019.074.714	93.144.305.934					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	22.391.091.699	296.174.419	15.064.892.072	652.483.897	38.404.642.087					
- Khấu hao trong năm	1.830.338.286	82.509.804	6.316.848.635	241.162.193	8.470.858.918					
- Thanh lý, nhượng bán	(11.193.040.088)	(318.131.039)	(2.448.779.794)	-	(13.959.950.921)					
Số dư cuối năm	13.028.389.897	60.553.184	18.932.960.913	893.646.090	32.915.550.084					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	100.286.899.248	1.630.474.171	27.229.975.218	236.599.817	129.383.948.454					
Tại ngày cuối năm	23.277.214.958	195.907.350	36.630.204.918	125.428.624	60.228.755.850					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.653.407.149 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.882.524.453	429.345.000	10.311.869.453
- Thanh lý, nhượng bán	(5.365.200.000)	-	(5.365.200.000)
Số dư cuối năm	4.517.324.453	429.345.000	4.946.669.453
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	730.743.618	143.115.000	873.858.618
- Khấu hao trong năm	132.862.476	214.672.500	347.534.976
Số dư cuối năm	863.606.094	357.787.500	1.221.393.594
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.151.780.835	286.230.000	9.438.010.835
Tại ngày cuối năm	3.653.718.359	71.557.500	3.725.275.859

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	127.916.942	121.178.620
	127.916.942	121.178.620
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1.126.676.414
	-	1.126.676.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Phải trả các Công ty Airlines	15.668.636.772	15.668.636.772	6.774.726.634	6.774.726.634
- Phải trả chi phí Logistic và Sea	11.482.727.945	11.482.727.945	11.019.155.484	11.019.155.484
- Phải trả các đối tượng khác	7.877.080.781	7.877.080.781	5.597.006.386	5.597.006.386
	35.028.445.498	35.028.445.498	23.390.888.504	23.390.888.504

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	307.377.455	12.698.167.986	12.808.108.575	12.808.108.575	-	197.436.866					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	182.974.681	7.268.493.402	7.179.764.176	7.179.764.176	-	271.703.907					
Thuế Thu nhập cá nhân	-	469.245.039	3.210.116.437	3.361.162.491	3.361.162.491	-	318.198.985					
Các loại thuế khác	-	-	27.860.500	27.860.500	27.860.500	-	-					
	-	959.597.175	23.204.638.325	23.376.895.742	23.376.895.742	-	787.339.758					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	554.628.660	495.634.756		
- Bảo hiểm xã hội	-	51.321.029		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.480.352.479	1.277.825.679		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	141.606.130	226.338.530		
- Phải trả cước nhập các hãng đại lý	25.450.174.797	22.762.316.672		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.700.449.125	1.739.256.990		
	30.327.211.191	26.552.693.656		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu năm trước	87.044.800.000	33.636.120.654	33.636.120.654	-	9.369.763.914	-	28.926.525.501	158.977.210.069		
Tăng vốn trong năm trước	16.132.240.000	8.180.000.000	8.180.000.000	-	-	-	-	24.312.240.000		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	120.896.921.725	120.896.921.725		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.529.733.092	-	(16.586.453.092)	(13.056.720.000)		
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	(51.588.520.000)	(51.588.520.000)		
Số dư cuối năm trước	103.177.040.000	41.816.120.654	41.816.120.654	-	12.899.497.006	-	81.648.474.134	239.541.131.794		
Số dư đầu năm nay	103.177.040.000	41.816.120.654	41.816.120.654	-	12.899.497.006	-	81.648.474.134	239.541.131.794		
Tăng vốn trong năm nay	5.153.850.000	-	-	-	-	-	-	5.153.850.000		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	35.006.244.663	35.006.244.663		
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	12.089.692.172	-	(69.308.401.725)	(1.432.606.119)		
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(400.120.000)	-	-	-	(400.120.000)		
Số dư cuối năm nay	108.330.890.000	41.816.120.654	41.816.120.654	(400.120.000)	24.989.189.178	55.786.103.434	47.346.317.072	277.868.500.338		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHĐCĐ/SAFI - 2015 ngày 16 tháng 05 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	120.896.921.725
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	12.089.692.172
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	46,14%	55.786.103.434
Trích Ngân sách hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	1,18%	1.432.606.119
Chi trả cổ tức (bằng 50% vốn điều lệ) (*)	42,67%	51.588.520.000

(*) : Số tiền này đã được công ty chi trả trong năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	18,16%	19.667.490.000	16,30%	16.817.490.000
Mutual fund Elite	4,78%	5.181.100.000	0,00%	-
America LLC	6,01%	6.509.700.000	0,00%	-
Halley Sicav	5,99%	6.492.100.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	64,69%	70.080.380.000	83,70%	86.359.550.000
Cổ phiếu quỹ	0,37%	400.120.000	0,00%	-
	100%	108.330.890.000	100%	103.177.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	108.330.890.000	103.177.040.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	103.177.040.000	87.044.800.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	5.153.850.000	16.132.240.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	108.330.890.000	103.177.040.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	64.645.240.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	13.056.720.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	51.588.520.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.833.089	10.317.704
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.833.089	10.317.704
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.833.089	10.317.704
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	40.012	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.012	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.793.077	10.317.704
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.793.077	10.317.704
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.989.189.178	12.899.497.006
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	55.786.103.434	-
	80.775.292.612	12.899.497.006

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.920.757,18	1.341.457,21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	452.559.409.215	474.922.521.419
	452.559.409.215	474.922.521.419

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	359.283.008.130	390.198.599.544
	359.283.008.130	390.198.599.544

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	886.498.747	2.179.345.665
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.987.937.620	104.365.919.371
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	785.260.299	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.374.269.047	515.307.422
	11.033.965.713	107.060.572.458

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	922.818.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	138.878.488	74.937.402
	138.878.488	997.756.065

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.716.795.786	1.309.488.079
Chi phí nhân công	35.457.666.025	41.073.817.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.805.302.579	1.504.120.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.449.614	3.078.009.169
Chi phí khác bằng tiền	8.247.283.691	8.132.699.488
	50.245.497.695	55.098.135.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.415.120	430.440.880
Chi phí nhân công	5.870.955.020	5.981.986.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.932.230.714	745.746.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.510.343	379.299.814
Chi phí khác bằng tiền	4.305.644.828	2.936.391.454
	12.409.756.025	10.473.865.604

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.274.738.065	125.415.495.126
Các khoản điều chỉnh tăng	126.074.974	4.701.673
- Chi phí không hợp lệ	126.074.974	4.701.673
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.362.206.667)	(104.881.226.793)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.987.937.620)	(104.365.919.371)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(2.374.269.047)	(515.307.422)
Thu nhập tính thuế TNDN	33.038.606.372	20.538.970.006
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	7.268.493.402	4.518.573.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	182.974.681	797.605.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.179.764.176)	(5.133.204.576)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	271.703.907	182.974.681

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.977.532.262	4.161.058.872
Chi phí nhân công	42.625.171.481	48.501.812.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.818.393.894	9.205.924.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.608.798.130	362.109.255.834
Chi phí khác bằng tiền	24.218.153.986	30.707.252.394
	422.248.049.753	454.685.304.265

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.195.986.500	-	-	101.195.986.500
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.895.145.943	-	-	82.895.145.943
Các khoản cho vay	29.050.000.000	-	-	29.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	213.141.132.443	1.500.000.000	-	214.641.132.443
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.280.140.017	-	-	76.280.140.017
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.835.269.609	-	-	66.835.269.609
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	143.115.409.626	1.605.562.000	-	144.720.971.626



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	65.355.656.689	-	-	65.355.656.689
Chi phí phải trả	107.801.818	-	-	107.801.818
	<u>65.463.458.507</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>65.463.458.507</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	49.943.582.160	-	-	49.943.582.160
Chi phí phải trả	107.801.818	-	-	107.801.818
	<u>50.051.383.978</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>50.051.383.978</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thiệu,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	151.423.412.668	291.376.135.632	9.759.860.915	452.559.409.215	452.559.409.215
Chi phí bộ phận trực tiếp	106.217.452.333	247.042.458.188	6.023.097.609	359.283.008.130	359.283.008.130
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.205.960.335	44.333.677.444	3.736.763.306	93.276.401.085	93.276.401.085
Tổng chi phí mua TSCĐ	19.043.845.810	-	-	19.043.845.810	19.043.845.810
Tài sản bộ phận	117.254.610.354	33.261.675.070	7.175.992.685	157.692.278.109	157.692.278.109
Tài sản không phân bổ	-	-	-	200.682.900.588	200.682.900.588
Tổng tài sản	117.254.610.354	33.261.675.070	7.175.992.685	358.375.178.697	358.375.178.697
Nợ phải trả bộ phận	14.574.703.086	51.586.613.672	4.316.048.659	70.477.365.417	70.477.365.417
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	10.029.312.942	10.029.312.942
Tổng nợ phải trả	14.574.703.086	51.586.613.672	4.316.048.659	80.506.678.359	80.506.678.359

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Số tiền	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
135	5. Các khoản phải thu khác	2.761.214.587	8.296.907.603	5.535.693.016
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5.535.693.016	-	(5.535.693.016)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.460.000.000	3.460.000.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	103.177.040.000	103.177.040.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	-	12.899.497.006	12.899.497.006
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	12.899.497.006	12.899.497.006	(12.899.497.006)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	81.648.474.134	81.648.474.134	-
			12.340.072.409	
			0301471330	
			09308404729	
			CÔNG TY CỔ PHẦN	
			ĐẠI LÝ VẬN TẢI	
			SAFI	
			QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH	
			M.S.D.N: 0301471330	
			09308404729	
			0301471330	

(Handwritten signature)

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

